TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 6 năm 2023
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diệu
2. Bà Phạm Thị Loan

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà*: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXX-ST ngày 25/5/2023 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử ngày 19 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1991

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu: Thôn L, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ cư trú: Thôn C, xã A, huyện Th, Thành phố Hải Phòng

- Bị đơn: Anh Trần Công Ch, sinh năm 1984

Địa chỉ cư trú: Thôn L, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Địa chỉ: số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng; Chức vụ: Tổng Giám đốc

+ Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị Minh Nguyệt, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Quỳnh Phụ;

+ Người đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Quang Huy; chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Quỳnh Phụ. Địa chỉ: Số 35, đường Nguyễn Quang Cáp, thị trấn Quỳnh Côi, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

(Chị L, anh Ch có mặt tại phiên tòa; ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn chị Trần Thị L có yêu cầu khởi kiện và trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Công Ch, sinh năm 1984 tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 29 tháng 7 năm 2011. Trong thời gian sinh sống cùng nhau hai vợ chồng chị hay xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không có sự hòa hợp, hay xảy ra cãi nhau. Chị và anh Ch đã sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay và trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không có khả năng đoàn tụ gia đình, chị L đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Ch.

Về con chung: Chị và anh Ch có 03 con chung là Trần Trịnh Minh Th, sinh ngày 08/10/2011; Trần Trịnh Phương A, sinh ngày 04/12/2015; Trần Minh Qu, sinh năm 02/7/2019. Nếu vợ chồng ly hôn mong muốn của chị là được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Trịnh Minh Th, sinh ngày 08/10/2011; Trần Trịnh Phương A, sinh ngày 04/12/2015 và chị không yêu cầu anh Ch góp cấp dưỡng nuôi con. Chị nhường cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh Qu. Hiện nay chị đang trực tiếp nuôi dưỡng 02 con (Phương A, Minh Th) tại thôn C, xã A, huyện Th, Thành phố Hải Phòng. Cháu Quân đang do anh Ch nuôi dưỡng tại thôn L, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Về thu nhập chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH REGWA Khu Công nghiệp VSIP, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng thu nhập hàng tháng là hơn 10.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Ngày 18/08/2020, hộ gia đình chị vay tại Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình với số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 8,25%/năm, thời hạn cho vay 35 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là: 18/07/2023. Ngày 16/8/2021, hộ gia đình chị tiếp tục được Phòng giao dịch NHCSXH huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình cho vay với số tiền 20.000.000 đồng, lãi suất 9%/năm, thời hạn cho vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 6 tháng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là 16/08/2026. Chị L tự nguyện nhận trả nợ Phòng giao dịch NHCSXH huyện Quỳnh Phụ toàn bộ các khoản vay trên và lãi suất theo quy định. Chị L không yêu cầu anh Ch phải trả khoản nợ trên cùng chị.

- Bị đơn anh Trần Công Ch trình bày:

Về hôn nhân anh thừa nhận về điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn như chị L trình bày là đúng. Chị L khởi kiện ly hôn anh muốn đoàn tụ vợ chồng để các con có chị có em nhưng nếu chị L nhất quyết xin ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn vì anh và chị L đã và đang sống ly thân từ lâu không còn tình cảm vợ chồng;

Về con chung: Anh và chị L có 03 con chung là Trần Trịnh Minh Th, sinh ngày 08/10/2011; Trần Trịnh Phương A, sinh ngày 04/12/2015; Trần Minh Qu, sinh năm 02/7/2019. Nếu vợ chồng ly hôn mong muốn của anh là nhường cả 03

con chung cho chị L trực tiếp nuôi. Anh Ch tự nguyện góp cấp dưỡng nuôi con mỗi con là 1.000.000 đồng/tháng. Lý do anh Ch nhường cho chị L nuôi dưỡng là anh Ch không có công việc ổn định và anh mong muốn chị L nuôi cả 03 con chung. Trong trường hợp chị L không đồng ý thì anh nhận nuôi cả 03 con chung và không yêu cầu chị L góp cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại con Trần Minh Qu đang ở cùng với anh, do anh nuôi dưỡng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Theo bản tự khai ngày 03/4/2023 của ông Nguyễn Quang Huy Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Quỳnh Phụ trình bày: Ngày 18/08/2020, Hộ gia đình chị Trần Thị L được tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV) do chị Trần Thị Nhài làm Tổ trưởng, Hội Phụ nữ xã Đ - Đơn vị nhận ủy thác vốn vay quản lý, bình xét và đã được UBND xã Đ phê duyệt, lập Hồ sơ vay vốn Chương trình Hộ mới thoát nghèo tại Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình với số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng chẵn), lãi suất 8,25%/năm, thời hạn cho vay 35 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là: 18/07/2023. Ngày 16/8/2021, Hộ gia đình chị Trần Thị L tiếp tục được tổ TK&VV do chị Trần Thị Nhài làm Tổ trưởng, Hội phụ nữ xã Đ - Đơn vị nhận ủy thác vốn vay quản lý, bình xét và đã được UBND xã Đ phê duyệt, lập Hồ sơ vay vốn Chương trình Cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường xanh thôn tại NHCSXH huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình với số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn), lãi suất 9%/năm, thời hạn cho vay 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 6 tháng/lần, hạn trả nợ cuối cùng là 16/08/2026. Nay vợ chồng chị L, anh Ch ly hôn ông có yêu cầu độc lập đề nghị tòa án giải quyết khoản nợ vay trên của hộ gia đình chị L và anh Ch, đồng thời có đơn xin không phải nộp tạm ứng án phí. Theo cam kết của chị Trần Thị L tại buổi hòa giải về việc trả các khoản nợ vay tại NHCSXH. Ngân hàng đồng ý để chị L là người trực tiếp trả các khoản vay gốc và lãi theo quy định. Cụ thể: khoản vay 50.000.000 đồng, lãi suất đến 29/6/2023 là 1.853.423 đồng; Khoản vay 20.000.000 đồng; Lãi suất đến: 29/6/2023 là 808.768 đồng.

- Tòa án đã tiến hành xác minh tại tại gia đình ông Trần Công D và bà Vũ Thị H (là bố, mẹ anh Ch) xác nhận về hôn nhân và việc ly thân của anh Ch và chị L như nội như đơn trình bày của chị L. Nay chị L kiên quyết ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung hiện 02 con là cháu Minh Th và Phương A đang ở với chị L ở thành phố Hải Phòng. Cháu Minh Qu đang ở với anh Ch và ở cùng ông bà. Đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung ông bà đề nghị giải quyết theo yêu cầu của anh Ch và chị L.

- Tòa án tiến hành xác minh quan điểm cháu Trần Trịnh Minh Th và cháu Trần Trịnh Phương A thể hiện các cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Trần Thị L khi bố mẹ ly hôn.

- Tòa án tiến hành xác minh với chị Trần Thị Nh, sinh năm 1981 là Chi hội trưởng chi hội phụ nữ thôn L, xã Đ; ông Nguyễn Quang L, trưởng Thôn L, xã Đ, huyện Q đều xác nhận về mối quan hệ hôn nhân, con chung như nội dung trình bày của chị L và anh Ch.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về hôn nhân: xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Trần Công Ch. Về con chung: giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Trần Trịnh Minh Th, sinh ngày 08/10/2011; Trần Trịnh Phương A, sinh ngày 04/12/2015. Giao cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng con chung Trần Minh Qu, sinh năm 02/7/2019. Chị L, anh Ch không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L nhận trả 02 khoản nợ vay của Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Quỳnh Phụ tổng số tiền gốc 70.000.000 đồng và lãi theo quy định. Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa chị L, anh Ch. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Đ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng, vì vậy Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị L được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29 tháng 7 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có những mâu thuẫn trong cuộc sống hàng ngày. Chị L và anh Ch trong thời gian sống ly thân đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L, anh Ch đã trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn anh Ch là phù hợp với Điều 55, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ con chung: Chị L mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Trịnh Minh Th, sinh ngày 08/10/2011 và Trần Trịnh Phương A, sinh ngày 04/12/2015. Chị không yêu cầu anh Ch góp cấp dưỡng nuôi con. Chị nhường cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh Qu. Lý do: Hiện nay chị đang nuôi dưỡng 02 con (Phương A, Minh Th) tại thôn C, xã A, huyện Th, Thành phố Hải Phòng. Quan điểm của các con đều có nguyện vọng ở với chị L. Chị đang làm công nhân tại Công ty TNHH REGWA Khu Công nghiệp VSIP, huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng có thu nhập hàng tháng hơn 10.000.000 đồng. Do đó cần giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng Trần Trịnh Minh Th, sinh ngày 08/10/2011; Trần Trịnh Phương A, sinh ngày 04/12/2015; Cháu Trần Minh Qu, sinh năm 02/7/2019 hiện tại đang do anh Ch nuôi dưỡng tại thôn L, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình và hàng ngày anh Ch đi làm thì cháu Quân ở nhà với ông, bà nội, cháu phát triển mọi mặt bình thường. Để đảm bảo sự ổn định, giao cho anh Ch trực tiếp nuôi dưỡng con. Chị L và anh Ch không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung: Chị L và anh Ch đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết;

[5] Về nợ chung: Căn cứ vào sự tự nguyện, thỏa thuận của chị Trần Thị L và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Ghi nhận việc chị Trần Thị L nhận trách nhiệm trả nợ toàn bộ số tiền gốc vay của 02 khoản nợ là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng chẵn*) và tổng lãi suất đến ngày 29/6/2023 là 2.662.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng)*. Tổng số tiền gốc và lãi là 72.662.000 đồng.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Do chị L nhận nợ trước khi tiến hành hòa giải cho nên chị L chỉ phải chịu 50% án phí chia nợ chung và ghi nhận việc chị L nhận chịu cả án phí về chia nợ chung;

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị L được ly hôn anh Trần Công Ch.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trần Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Trịnh Minh Th, sinh ngày 08/10/2011 và con Trần Trịnh Phương A, sinh ngày 04/12/2015; Giao cho anh Trần Công Ch trực tiếp nuôi dưỡng con Trần Minh Qu, sinh năm 02/7/2019. Chị L, anh Ch không phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị L có nghĩa vụ trả nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình toàn bộ số tiền gốc vay của 02 khoản nợ là 70.000.000 đồng (*Bảy mươi triệu đồng chẵn*); tổng lãi suất đến ngày 29/6/2023 là 2.662.000 đồng (*Hai triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng)*. Tổng số tiền gốc và lãi là 72.662.000 đồng.

5. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 1.816.500 đồng (*Một triệu tám trăm mười sáu nghìn năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản chia nợ chung vợ chồng. Số tiền trên được đối trừ với tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai số 0004713 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh Ch có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/6/2023). Ông H vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận**:*
- *TAND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND tỉnh Thái Bình;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;*
- *UBND xã Đ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Huy Hoàng